

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28/3/2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh:* Ông  
Nguyễn Hùng Cường -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh  
Trà Vinh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng  
10 năm 2021 về việc " Tranh chấp ly hôn và nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số: 33/2022/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và quyết định  
hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Út Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp Tr, xã  
Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt có lý do).

**2. Bị đơn:** Anh Phan Vĩnh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp Tr, xã Tân H,  
huyện Tiểu C, tỉnh T (Vắng mặt không có lý do).

**NHẬN THẤY**

***Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021 và các lời khai tại Tòa án của  
nguyên đơn chị Trương Thị Út Đ trình bày:***

Vào ngày 21/10/2015 chị với anh Phan Vĩnh T có xác lập quan hệ hôn  
nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần,  
quá trình chung sống anh T không lo làm ăn mà suốt ngày chỉ biết ăn chơi cờ bạc  
không lo cho vợ con, chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không sửa  
đổi, nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị yêu cầu  
được ly hôn với anh Phan Vĩnh T.

Về con chung: có 03 con chung tên là Phan Thị A, sinh ngày 08/12/2003 Phan Thị Tuyết A, sinh ngày 06/3/2006 và Phan Hoàng A, sinh ngày 14/10/2015 chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn anh Phan Vĩnh T vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay nên không có lời trình bày.

**Tại bản tự khai ngày 26/12/2021 cháu Phan Thị A và Phan Thị Tuyết A trình bày:** Các cháu là con của cha tên là Phan Vĩnh T và mẹ tên là Trương Thị Út Đ, nay cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của các cháu là muốn được sống chung với mẹ.

**Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: chấp nhận cho chị Trương Thị Út Đ được ly hôn với anh Phan Vĩnh T.

Về con chung: chấp nhận cho chị Trương Thị Út Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Thị A, Phan Thị Tuyết A và Phan Hoàng A là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu A và cháu Tuyết A.. Anh Phan Vĩnh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Út Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Út Đ khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị Trương Thị Út Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:**

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy khai sinh của cháu Phan Thị A, sinh ngày 08/12/2003 Phan Thị Tuyết A, sinh ngày 06/3/2006 và Phan Hoàng A, sinh ngày 14/10/2015 (bản pho to); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính)

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

**Những tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh T được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

### **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Trương Thị Út Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Vĩnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Út Đ và anh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tiểu Cần nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Út Đ và anh T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Út Đ cho rằng anh T không lo làm ăn mà suốt ngày chỉ biết ăn chơi cờ bạc không lo gì cho vợ con. Quá trình tố tụng tố tụng Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh T tại địa phương thì được biết anh T thường xuyên cờ bạc và có hành vi bạo lực gia đình và Tòa án cũng đã động viên chị Út Đ cho anh T cơ hội để sửa đổi nhưng chị Đ không đồng ý, nếu cho đoàn tụ thì cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Út Đ.

[4]. Về con chung: Chị Út Đ yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung Phan Thị A, sinh ngày 08/12/2003; Phan Thị Tuyết A, sinh ngày 06/3/2006 và Phan Hoàng A, sinh ngày 14/10/2015 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng cháu Phan Thị A và cháu Phan Thị Tuyết A có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ. Đối với cháu Phan Hoàng A quá trình tố tụng anh T không có văn bản gửi đến Tòa án cũng như không đến Tòa án để trình bày đối với yêu cầu của chị Út Đ, vì vậy tiếp tục giao cháu Phan Thị A, sinh ngày 08/12/2003; Phan Thị Tuyết A, sinh ngày 06/3/2006 và Phan Hoàng A, sinh ngày 14/10/2015 cho chị Trương Thị Út Đ tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu A và Tuyết A. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Út Đ không yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị Út Đ khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh T nên không biết vợ chồng có tài sản

chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh T có tranh chấp tài sản chung và nợ chung với chị Út Đ thì anh T được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Út Đ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Út Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Phan Vĩnh T không phải chịu án phí.

Từ những nhận định trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Út Đ chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228 ; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Út Đ cho chị Út Đ được ly hôn với anh Phan Vĩnh T.

2. *Về con chung*: Chị Trương Thị Út Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Phan Thị A, sinh ngày 08/12/2003 Phan Thị Tuyết A, sinh ngày 06/3/2006 và Phan Hoàng A, sinh ngày 14/10/2015 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Phan Thị A và Phan Thị Tuyết A. Anh Phan Vĩnh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trương Thị Út Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trương Thị Út Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Phan Vĩnh T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Út Đ thì anh T được

quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn với chị Trương Thị Út Đ.

4. *Về án phí:* Chị Trương Thị Út Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002709 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh. Chị Út Đ đã nộp đủ án phí đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Vĩnh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tân Hòa;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Thị Thu Hiền**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tân Hòa;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Thị Thu Hiền**